

Số: 381 /BC-UBND

Định Hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020;
phương án phân bổ nguồn lực đầu tư năm 2021, huyện Định Hóa**

Thực hiện chương trình công tác năm 2020, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng năm 2020 trên địa bàn huyện, UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 và phương án phân bổ nguồn lực đầu tư năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

- Thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 7859/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, trong đó giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình nguồn vốn ngân sách huyện năm 2020; Ban hành Kế hoạch phân công, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020. Đồng thời kịp thời báo cáo xin chủ trương Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện về một số công trình phát sinh trong năm 2020.

- Trên cơ sở Thông báo nguồn vốn của Tỉnh, UBND huyện đã trình UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, đồng thời chủ động phân bổ chi tiết nguồn vốn Nguồn vốn CTMTGQ XD NTM, CTMTQG Giảm nghèo bền vững, nguồn vốn xổ số kiến thiết, nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Đề án 2037, các nguồn vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ khác...

- Căn cứ Nghị quyết HĐND huyện, UBND huyện đã giao nhiệm vụ cho các chủ đầu tư thực hiện các công trình thuộc nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục, nguồn vốn Thủy lợi phí, nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP.....

- Kien toàn Ban Chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng huyện; tổ chức các buổi làm việc chuyên đề với các cơ quan chuyên môn để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn công tác đầu tư xây dựng; đề ra một số giải pháp để thực hiện tốt công tác xây dựng kết cấu hạ tầng và đã được cụ thể tại các Công văn số 431/UBND-TCKH ngày 30/3/2020, Công văn số 906/UBND-TCKH ngày 16/6/2020, Công văn số 654/UBND-TCKH ngày 04/5/2020, Thông báo Kết luận số 47/TB-UBND

ngày 14/4/2020; Công văn số 1342/UBND-DT ngày 31/8/2020 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn Chương trình 135 năm 2020; Công văn số 1110/UBND-NTM ngày 24/7/2020 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn CT MTQG XD nông thôn mới năm 2020; Kết luận số 1149/KL-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện tại Hội nghị giao ban công tác xây dựng cơ bản; Công văn số 1224/UBND-TCKH ngày 10/8/2020 về việc cam kết giải ngân các nguồn vốn năm 2020... Trên cơ sở đó, thường xuyên đôn đốc các đơn vị, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án hoàn thành, tiến độ thực hiện các dự án mới và giải ngân kế hoạch vốn được giao.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

1. Tình hình huy động các nguồn vốn

Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 huy động được là: 257.720,1 triệu đồng (tăng 11,2% so với tổng số vốn huy động cùng kỳ năm 2019), trong đó:

TT	Nguồn vốn	Năm 2020 (trđ)	Năm 2019 (trđ)	So sánh (%)	Ghi chú
	Tổng cộng	257.720,1	231.740,3	11,2	
1	Nguồn vốn đầu tư công 2016-2020	70.590,0	70.199,0	0,6	
1.1	Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư các xã ATK	48.000,0	48.000,0	0,0	
1.2	Nguồn vốn Ngân sách Tỉnh phân cấp cho huyện (40%)	22.590,0	22.199,0	1,8	
2	Nguồn vốn Ngân sách Tỉnh hỗ trợ	28.529,6	16.350,0	74,5	
3	Nguồn vốn CT MTQG XD NTM	69.069,0	52.549,0	31,4	
3.1	Ngân sách Trung ương	56.319,0	40.082,0	40,5	
3.1	Ngân sách Tỉnh	12.750,0	12.467,0	2,3	
4	Nguồn vốn CT MTQG XD NTM - Hỗ trợ HTX	5.445,0	0,0	-	
4.1	Ngân sách Trung ương	5.445,0	0,0	-	
5	Nguồn vốn CT MTQG Giảm nghèo	23.525,0	24.812,0	-5,2	
5.1	Ngân sách Trung ương	21.098,0	21.576,0	-2,2	
5.2	Ngân sách Tỉnh	1.477,0	2.265,0	-34,8	
5.3	Ngân sách Huyện	950,0	971,0	-2,2	
6	Nguồn vốn cấp bù do miễn Thủy lợi phí và Hỗ trợ thực hiện NĐ35/2015/NĐ-CP	8.715,4	8.715,4	0,0	
7	Nguồn vốn SN Giáo dục - Đào tạo	22.000,0	22.000,0	0,0	

8	<i>Nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế</i>	21.548,0	16.580,0	30,0	
9	<i>Nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất</i>	911,5	718,0	26,9	
10	<i>Ngân sách huyện</i>	7.386,6	2.541,9	-	

2. Tình hình phân bổ, giải ngân các nguồn vốn

2.1. Công tác phân bổ kế hoạch vốn:

Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND huyện khóa XIX, kỳ họp thứ 10 về phân bổ Dự toán Ngân sách nhà nước năm 2020 huyện Định Hóa và các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh, UBND huyện đã phân bổ chi tiết số vốn đủ điều kiện phân bổ là 256.701,5/257.720,1 triệu đồng, đạt tỷ lệ 99,6%. Kế hoạch vốn còn lại sẽ phân bổ trước 31/12/2020 là: 1.018,6 triệu đồng (Bao gồm kinh phí sự nghiệp giáo dục là 600,6 triệu đồng; nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 418,0 triệu đồng).

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2020 (trđ)	KH đã phân bổ chi tiết (trđ)	Tỷ lệ vốn đã phân bổ (%)
	Tổng cộng	257.720,1	256.701,5	99,6
1	<i>Nguồn vốn đầu tư công</i>	<i>70.590,0</i>	<i>70.590,0</i>	<i>100,0</i>
1.1	Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư các xã ATK	48.000,0	48.000,0	100,0
1.2	Nguồn vốn Ngân sách Tỉnh phân cấp cho huyện (40%)	22.590,0	22.590,0	100,0
2	<i>Nguồn vốn Ngân sách Tỉnh hỗ trợ</i>	<i>28.529,6</i>	<i>28.529,6</i>	<i>100,0</i>
3	<i>Nguồn vốn CT MTQG XD NTM</i>	<i>69.069,0</i>	<i>69.069,0</i>	<i>100,0</i>
3.1	Ngân sách Trung ương	56.319,0	56.319,0	100,0
3.1	Ngân sách Tỉnh	12.750,0	12.750,0	100,0
4	<i>Nguồn vốn CT MTQG XD NTM - Hỗ trợ HTX</i>	<i>5.445,0</i>	<i>5.445,0</i>	<i>100,0</i>
4.1	Ngân sách Trung ương	5.445,0	5.445,0	100,0
5	<i>Nguồn vốn CT MTQG Giảm nghèo</i>	<i>23.525,0</i>	<i>23.525,0</i>	<i>100,0</i>
5.1	Ngân sách Trung ương	21.098,0	21.098,0	100,0
5.2	Ngân sách Tỉnh	1.477,0	1.477,0	100,0
5.3	Ngân sách Huyện	950,0	950,0	100,0
6	<i>Nguồn vốn miễn Thủy lợi phí và Hỗ trợ thực hiện ND35/2015/NĐ-CP</i>	<i>8.715,4</i>	<i>8.715,4</i>	<i>100,0</i>

7	Nguồn vốn SN Giáo dục - Đào tạo	22.000,0	21.399,4	97,3
8	Nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế	21.548,0	21.548,0	100,0
9	Nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất	911,5	493,5	54,1
10	Ngân sách huyện	7.386,6	7.386,6	100,0

- Đối với Kế hoạch vốn đã đủ điều kiện phân bổ, UBND huyện đã phân bổ 256.701,5 triệu đồng cho 524 công trình, trong đó phân bổ 125.732,6 triệu đồng cho 262 công trình hoàn thành, chuyển tiếp, phân bổ cho 130.968,9 triệu đồng cho 262 công trình khởi công mới, cụ thể:

TT	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch trả nợ		Kế hoạch Khởi công mới		Ghi chú
		Tổng cộng	Công trình	Kế hoạch phân bổ (trđ)	Công trình	Kế hoạch phân bổ (trđ)	Công trình	
	Tổng cộng	256.701,5	524	125.732,6	262	130.968,9	262	
I	Các cơ quan, đơn vị cấp huyện	202.354,4	114	113.922,0	73	88.432,3	41	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	159.002,0	84	89.613,3	55	69.388,7	29	
2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	19.920,6	10	7.651,9	4	12.268,7	6	
3	Phòng Nông nghiệp - PTNT	9.556,2	11	5.481,3	6	4.074,9	5	
4	Phòng Tài nguyên - Môi trường	2.753,9	2	53,9	1	2.700,0	1	
5	Văn phòng HĐND&UBND	80,0	1	80,0	1			
6	Cơ quan Huyện ủy	9.082,0	2	9.082,0	2			
7	UB MTTQ huyện	150,0	1	150,0	1			
8	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	70,0	1	70,0	1			
9	Ban Chỉ huy quân sự huyện	1.500,0	1	1.500,0	1			
10	Bệnh viện đa khoa huyện	239,6	1	239,6	1			
II	UBND cấp xã	54.347,2	410	11.810,6	189	42.536,6	221	

*** Phân loại theo các chủ đầu tư:**

- Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư) là các cơ quan, đơn vị cấp huyện được phân bổ 202.354,4 triệu đồng (chiếm 78,8% tổng nguồn vốn đã phân bổ) thực hiện 114 công trình (trong đó: 73 công trình hoàn thành, chuyển tiếp, 41 công trình khởi công mới).

- Chủ đầu tư là UBND cấp xã được phân bổ 54.347,2 triệu đồng (chiếm 21,2% tổng nguồn vốn đã phân bổ) thực hiện 410 công trình (trong đó: 189 công trình chuyển tiếp, 221 công trình khởi công mới).

*** Phân loại theo tính chất nguồn vốn:**

- Kế hoạch vốn trả nợ là 125.732,6 triệu đồng (chiếm 49,0% tổng nguồn vốn đã phân bổ).

- Kế hoạch vốn Khởi công mới là 130.968,9 triệu đồng (chiếm 51,0% tổng nguồn vốn đã phân bổ).

2.2. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn:

Đến hết ngày hết 30/11/2020, đã giải ngân là 173.732,9/257.720,1 triệu đồng, đạt 67,4% tổng kế hoạch vốn. (Cùng kỳ 30/11/2019, tỷ lệ giải ngân đạt 66,1%). Dự kiến đến 31/12/2020 sẽ giải ngân trên 85% kế hoạch vốn, tiếp tục tăng cường giải ngân trong tháng 01/2021 và chuyển nguồn thanh toán năm 2021 đối với những nguồn vốn đủ điều kiện.

Nếu tính tỷ lệ giải ngân trên tổng số kế hoạch vốn đã giao chi tiết, đến hết ngày 30/11/2020, giải ngân là 173.732,9/256.701,5 triệu đồng, đạt 67,7%. Kết quả giải ngân cụ thể như sau:

*** Tình hình giải ngân theo nguồn vốn như sau:**

TT	Nguồn vốn	Giải ngân năm 2020			Kế hoạch trả nợ			Kế hoạch khởi công mới		
		KH năm 2020 (trđ)	Giá trị giải ngân (trđ)	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch trả nợ (trđ)	Giá trị giải ngân (trđ)	Tỷ lệ (%)	KH Khởi công mới (trđ)	Giá trị giải ngân (trđ)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	256.701,5	173.732,9	67,7	125.732,6	102.020,8	81,1	130.968,9	71.712,1	54,8
1	Nguồn vốn đầu tư công	70.590,0	52.584,9	74,5	60.543,0	47.153,1	77,9	10.047,0	5.431,8	54,1
2	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ	28.529,6	20.006,3	70,1	11.379,6	10.647,4	93,6	17.150,0	9.358,8	54,6
3	Nguồn vốn CT MTQG XD NTM	69.069,0	39.327,4	56,9	18.942,9	14.619,3	77,2	50.126,1	24.708,1	49,3
4	Nguồn vốn CT MTQG XD NTM - Hỗ trợ HTX	5.445,0	2.965,0	54,5	0,0	0,0	-	5.445,0	2.965,0	54,5
5	Nguồn vốn CT MTQG GNBV	23.525,0	11.558,3	49,1	6.181,7	4.948,0	80,0	17.343,3	6.610,3	38,1
6	Kinh phí miễn Thuỷ lợi phí và Hỗ trợ NĐ35/2015	8.715,4	8.250,8	94,7	6.876,6	6.876,6	100,0	1.838,8	1.374,2	74,7
7	Kinh phí SN GD-ĐT	21.399,4	15.232,6	71,2	749,4	749,4	-	20.650,0	14.483,2	70,1
8	Kinh phí SN kinh tế	21.548,0	16.822,8	78,1	20.179,3	16.162,8	80,1	1.368,7	660,0	48,2
9	Nguồn thu tiền đất	493,5	277,6	56,2	293,5	277,6		200,0	0,0	0,0
10	Kinh phí sự nghiệp ngân sách huyện	7.386,6	6.707,4	90,8	586,6	586,6	100,0	6.800,0	6.120,8	90,0

* Tình hình giải ngân theo chủ đầu tư:

TT	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Tình hình giải ngân năm 2020								
		Tổng cộng			Kế hoạch trả nợ			Kế hoạch khởi công mới		
		Kế hoạch (trđ)	Giải ngân (trđ)	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch (trđ)	Giải ngân (trđ)	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch (trđ)	Giải ngân (trđ)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	256.701,5	173.732,9	67,7	125.732,6	102.020,8	81,1	130.968,9	71.712,1	54,8
I	Đơn vị cấp huyện	202.354,4	145.989,2	72,1	113.922,0	91.615,8	80,4	88.432,3	54.373,3	61,5
1	BQL DA ĐTXD	159.002,0	113.076,5	71,1	89.613,3	71.182,9	79,4	69.388,7	41.893,6	60,4
2	Phòng Kinh tế - HT	19.920,6	15.277,4	76,7	7.651,9	7.471,9	97,6	12.268,7	7.805,5	63,6
3	Phòng NN - PTNT	9.556,2	7.602,7	79,6	5.481,3	4.928,5	89,9	4.074,9	2.674,2	65,6
4	Phòng TN & MT	2.753,9	2.038,0	74,0	53,9	38,0	70,4	2.700,0	2.000,0	74,1
5	VP HĐND&UBND	80,0	0,0	0,0	80,0	0,0	0,0			-
6	Cơ quan Huyện ủy	9.082,0	6.185,0	68,1	9.082,0	6.185,0	68,1			-
7	UB MTTQ huyện	150,0	0,0	0,0	150,0	0,0	0,0			-
8	TT BD Chính trị	70,0	70,0	100,0	70,0	70,0	100,0			-
9	Ban Chỉ huy quân sự	1.500,0	1.500,0	100,0	1.500,0	1.500,0	100,0			-
10	Bệnh viện đa khoa huyện	239,6	239,6	100,0	239,6	239,6	100,0			-
II	UBND cấp xã	54.347,2	27.743,7	51,0	11.810,6	10.404,9	88,1	42.536,6	17.338,8	40,8
1	Xã Kim Phụng	3.851,5	1.160,1	30,1	1.161,3	660,1	56,8	2.690,2	500,0	18,6
2	Xã Phú Đình	3.347,4	2.243,4	67,0	1.370,2	1.347,3	98,3	1.977,2	896,1	45,3
3	Xã Sơn Phú	7.585,9	3.711,0	48,9	2.865,0	2.510,6	87,6	4.720,9	1.200,4	25,4
4	Xã Trung Lương	2.488,4	1.071,4	43,1	802,9	730,0	90,9	1.685,5	341,4	20,3
5	Xã Thanh Định	2.073,1	369,5	17,8	369,5	369,5	100,0	1.703,6	0,0	0,0
6	Xã Phụng Tiến	1.931,7	790,0	40,9	58,8	55,8	94,9	1.872,9	734,2	39,2
7	Xã Đồng Thịnh	1.490,9	34,8	2,3	34,8	34,8	100,0	1.456,1	0,0	0,0
8	Xã Bảo Cường	2.396,0	1.287,8	53,7	46,0	46,0	100,0	2.350,0	1.241,8	52,8
9	Xã Trung Hội	1.372,5	360,1	26,2	93,1	29,7	31,9	1.279,4	330,4	25,8
10	Xã Phúc Chu	1.481,7	23,7	1,6	66,1	23,7	35,9	1.415,6	0,0	0,0
11	Xã Bình Yên	2.066,6	683,0	33,0	407,7	398,2	97,7	1.658,9	284,8	17,2
12	Xã Định Biên	1.584,1	1.224,8	77,3	498,4	448,6	90,0	1.085,7	776,2	71,5
13	Xã Tân Dương	1.892,9	1.123,4	59,3	717,6	717,6	100,0	1.175,3	405,8	34,5
14	Xã Tân Thịnh	2.807,7	2.707,7	96,4	632,6	632,6	100,0	2.175,1	2.075,1	95,4
15	Xã Bình Thành	2.501,7	632,1	25,3	191,7	125,2	65,3	2.310,0	506,9	21,9
16	Xã Quy Kỳ	1.745,4	894,0	51,2	711,8	711,8	100,0	1.033,6	182,2	17,6
17	Xã Bảo Linh	1.344,4	1.090,3	81,1	15,2	14,0	-	1.329,2	1.076,3	81,0
18	Xã Phú Tiến	2.686,0	1.951,8	72,7	393,2	298,6	75,9	2.292,8	1.653,2	72,1
19	Xã Linh Thông	2.118,2	1.110,9	52,4	438,1	438,1	100,0	1.680,1	672,8	40,0
20	Xã Lam Vỹ	2.188,9	1.593,5	72,8	237,7	237,7	100,0	1.951,2	1.355,8	69,5
21	Xã Bộc Nhiêu	2.909,5	2.139,9	73,6	404,5	404,5	100,0	2.505,0	1.735,4	69,3
22	Xã Diêm Mặc	2.482,6	1.540,5	62,1	294,4	170,7	58,0	2.188,2	1.369,8	62,6
23	TT Chợ Chu	0,0	0,0	-		0,0	-	0,0	0,0	-

3. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành.

Tình hình quyết toán dự án hoàn thành của các chủ đầu tư như sau:

TT	Chủ đầu tư/ Đại diện chủ đầu tư	Quyết toán dự án hoàn thành năm 2020				
		Tổng số	Đã QT	Đã gửi HS QT	Chưa gửi HS QT	Ghi chú
	Tổng cộng	281	203	20	58	
I	Đơn vị cấp huyện	80	43	14	23	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	65	31	12	22	
2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	4	4	0	0	
3	Phòng Nông nghiệp - PTNT	5	5	0	0	
4	Cơ quan Huyện ủy	1	0	1	0	
5	Văn phòng HĐND&UBND	1	0	1	0	
6	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	1	1	0	0	
7	UB MTTQ huyện Định Hóa	1	0	0	1	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa	1	1	0	0	
9	Ban Quản lý chợ	1	1	0	0	
II	UBND cấp xã	201	160	6	35	
1	Xã Tân Thịnh	8	7	0	1	
2	Xã Phú Đình	21	4	0	17	
3	Xã Sơn Phú	14	14	0	0	
4	Xã Định Biên	10	8	2	0	
5	Xã Bình Thành	11	11	0	0	
6	Xã Bảo Linh	1	1	0	0	
7	Xã Phú Tiến	7	5	1	1	
8	Xã Quy Kỳ	8	7	0	1	
9	Xã Linh Thông	9	3	0	6	
10	Xã Diêm Mặc	6	6	0	0	
11	Xã Phụng Tiến	7	7	0	0	
12	Xã Đồng Thịnh	10	10	0	0	
13	Xã Bảo Cường	8	7	0	1	
14	Xã Trung Hội	7	7	0	0	
15	Xã Phúc Chu	8	6	2	0	
16	Xã Kim Phụng	13	7	1	5	
17	Xã Trung Lương	7	6	0	1	
18	Xã Bình Yên	6	6	0	0	
19	Xã Tân Dương	14	13	0	1	
20	Xã Thanh Định	11	11	0	0	
21	Xã Lam Vỹ	10	10	0	0	
22	Xã Bộc Nhiêu	4	4	0	0	
23	Thị trấn Chợ Chu	1	0	0	1	

Đến hết ngày 30/11/2020, các đơn vị đại diện chủ đầu tư đã thực hiện quyết toán 203/281 công trình; đã gửi hồ sơ quyết toán là 20 công trình. Còn lại 58/281 công trình chưa trình báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Cụ thể như sau:

3.1. Đơn vị chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư) cấp huyện: Đã quyết toán 43/80 công trình; gửi hồ sơ quyết toán được 14 công trình. Còn lại 23 công trình chưa trình hồ sơ quyết toán.

3.2. Chủ đầu tư là UBND cấp xã: Đã quyết toán 160/201 công trình; gửi hồ sơ quyết toán 6 công trình. Còn lại 35 công trình chưa gửi hồ sơ quyết toán.

4. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

4.1. Nguồn vốn Đầu tư công.

Đến ngày 30/11/2020 đã giải ngân 52.584,9/70.590,0 triệu đồng, đạt 74,5%, trong đó:

- Kế hoạch vốn bố trí cho 16 công trình hoàn thành, chuyển tiếp đã giải ngân là 47.153,1/60.543,0 triệu đồng (đạt 77,9% kế hoạch vốn trả nợ).

- Kế hoạch vốn khởi công mới phân bổ cho 02 công trình khởi công mới và 01 công trình (Hồ Làng Pháng) chuẩn bị đầu tư đã giải ngân 5.431,8/10.047,0 triệu đồng, đạt tỷ lệ 54,1% kế hoạch vốn giao. Đối với các công trình khởi công mới chưa thanh toán hết kế hoạch vốn giao năm 2020, nguồn vốn sẽ được chuyển nguồn sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

Các công trình chuyển tiếp đang được đẩy nhanh tiến độ để triển khai thực hiện. Đối với 02 công trình Sân lễ hội Chùa hang thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa, Hồ điều hòa và công viên cây xanh thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa đã hoàn thiện thủ tục đầu tư đang thực hiện giải phóng mặt bằng để chuẩn bị khởi công, tuy nhiên qua khảo sát sơ bộ, 02 công trình Sân lễ hội Chùa hang thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa, Hồ điều hòa và công viên cây xanh thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa và công trình Đường sang khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Định Hóa phát sinh tăng chi phí giải phóng mặt bằng, tăng tổng mức đầu tư, UBND huyện đã báo cáo Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện xin chủ trương để báo cáo Sở Kế hoạch & Đầu tư.

Công trình: Hồ Làng Pháng xã Bình Thành đã hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư. UBND huyện đã chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng triển khai lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế để sớm khởi công trong năm 2021.

4.2. Nguồn vốn Ngân sách Tỉnh hỗ trợ.

Tổng nguồn vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ là 28.029,6 triệu đồng, bao gồm các nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Đề án 2037; hỗ trợ duy tu, sửa chữa đường giao thông; hỗ trợ cải tạo sửa chữa trường lớp học và thực hiện các kết luận của

Thường trực Tỉnh ủy; nguồn thu xổ số kiến thiết... Đã giải ngân 20.006,3/28.029,6 triệu đồng, đạt 70,1%, Dự kiến đến hết năm 2020, sẽ giải ngân đạt 90% kế hoạch vốn, cụ thể:

+ Kế hoạch vốn trả nợ đã giải ngân là 10.647,4/11.379,6 triệu đồng, đạt 93,6%, đa phần các công trình đều giải ngân trên 90% kế hoạch vốn giao.

+ Kế hoạch vốn khởi công mới đã giải ngân là 9.358,8/17.150,0 triệu đồng, đạt 54,6% kế hoạch. Trong đó: 04/05 công trình đã khởi công và đã giải ngân đạt trên 50% kế hoạch vốn giao. Còn lại 01 công trình Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tân Dương - Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng do được Tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ trong tháng 7 năm 2020, chủ đầu tư đang hoàn thiện thủ tục theo quy định chưa thực hiện giải ngân, nguồn vốn chưa giải ngân sẽ được chuyển nguồn sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

4.3 Nguồn vốn CT MTQG Xây dựng nông thôn mới.

Tổng nguồn vốn CT MTQG XD NTM năm 2020 là 69.069,0 triệu đồng (NSTW là 56.319,0 triệu đồng, NS Tỉnh là 12.750,0 triệu đồng). Đến ngày 30/11/2020 đã giải ngân 39.327,4/69.069,0 triệu đồng, đạt tỷ lệ 56,9%. Dự kiến đến ngày 31/12/2020 sẽ giải ngân đạt 85% kế hoạch, nguồn vốn còn lại sẽ được chuyển nguồn sang năm 2021 tiếp tục thực hiện. Trong đó:

- Kế hoạch vốn phân bổ cho đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý đầu tư xây dựng và các đơn vị đại diện chủ đầu tư cấp huyện là 49.351,8 triệu đồng, đã giải ngân được 28.590,3/49.351,8 triệu đồng, đạt 57,9% kế hoạch vốn giao.

- Kế hoạch vốn phân bổ cho đại diện chủ đầu tư là UBND cấp xã 19.717,2 triệu đồng, đã giải ngân được 10.737,1/19.717,2 triệu đồng, đạt 54,5% kế hoạch vốn giao.

Trong 10 công trình khởi công mới được giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đã có 09 công trình đã khởi công xây dựng, 01 công trình: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Trạm Thủy luân đến trụ sở UBND xã Phượng Tiến chưa lựa chọn được đơn vị xây lắp, đơn vị tư vấn giám sát để triển khai thực hiện.

Đối với các công trình giao thông, thủy lợi..., nhà văn hóa thôn xóm:

- Tổng số công trình giao thông nông thôn, kênh mương thủy lợi, nhà văn hóa thôn xóm do UBND các xã đăng ký và được phân bổ vốn từ đầu năm 2020 là 198 công trình. Trong quá trình thực hiện UBND các xã đã đề nghị điều chỉnh giảm là 44 công trình (trong đó có 15 công trình nhà văn hóa xóm của Bộc Nhiêu và Trung Lương). Đăng ký bổ sung 11 công trình. Đề nghị điều chỉnh chiều dài, quy mô, tổng mức đầu tư là 12 công trình. Tổng số công trình thực hiện năm 2020 là 165 công trình.

Tổ tư vấn thiết kế đã hoàn thành việc khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán cho 165 công trình. UBND cấp xã đã trình phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm định 165/165 công trình. UBND các xã đã trình phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu là 165 công trình.

*** Nguồn vốn hỗ trợ xi măng của Tỉnh năm 2020:** Năm 2020, huyện Định Hóa được Tỉnh hỗ trợ 11.850,0 tấn xi măng. Đến 30/11/2020 đã giới thiệu để các xã lấy 8.069,10 tấn xi măng cho 147/165 công trình để triển khai thực hiện.

4.4. Nguồn vốn CT MTQG NTM hỗ trợ phát triển hợp tác xã:

Tổng nguồn vốn thực hiện là 5.445,0 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí năm 2019 chuyển năm 2020 thực hiện là 2.965,0 triệu đồng, phân bổ cho công trình: Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm và hệ thống dẫn nước vào vùng sản xuất tập trung của hợp tác xã Tân Tiến, xã Tân Dương do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng là đại diện chủ đầu tư. Đã giải ngân 2.965/2.965 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch.

- Kinh phí năm 2020 được Tỉnh giao là 2.480,0 triệu đồng, do nguồn vốn này chỉ sử dụng để hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển các hợp tác xã và các hợp tác xã phải thực hiện đối ứng 20% trên tổng mức đầu tư xây dựng. Sau khi rà soát nhu cầu đăng ký của các đơn vị, UBND huyện đã phân bổ 2.480 triệu đồng cho UBND xã Sơn Phú để thực hiện công trình: Xây dựng kết cấu hạ tầng Hợp tác xã nông sản Phú Đạt, xã Sơn Phú, đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện.

4.5. Nguồn vốn CT MTQG Giảm nghèo:

Đến ngày 30/11/2020, UBND huyện đã phân bổ chi tiết toàn bộ kế hoạch vốn được giao năm 2020; các chủ đầu tư đã giải ngân được 11.558,3/23.525,0 triệu đồng, đạt tỷ lệ 49,1%; 15 công trình khởi công mới của 12 xã được giao từ đầu năm đều đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và khởi công thực hiện. Dự kiến đến hết năm 2020, giải ngân đạt 65% kế hoạch vốn, nguồn vốn còn lại sẽ được chuyển nguồn sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

Thực hiện Công văn số 2482/SKHĐT-KGVX ngày 14/10/2020 của Sở Kế hoạch & Đầu tư về việc hướng dẫn giải ngân nguồn vốn chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) năm 2020, theo đó các xã đã về đích nông thôn mới và hoàn thành chương trình 135 tiếp tục được sử dụng nguồn vốn đầu tư 135 đến hết năm 2020; ngày 30/10/2020, UBND huyện đã hoàn thành việc giao chi tiết toàn bộ nguồn vốn CT 135 năm 2020, trong đó giao bổ sung 12 công trình khởi công mới của 09 xã để triển khai thực hiện. Hiện nay các công trình đang được các đơn vị tích cực hoàn thiện hồ sơ để thực hiện.

4.6. Nguồn vốn Thủy lợi phí + Nghị định 35:

Tổng kinh phí năm 2020 là 8.715,4 triệu đồng. Đến ngày 30/11/2020, đã giải ngân là 8.250,8/8.576,6 triệu đồng, đạt 94,7% kế hoạch giao. Dự kiến đến hết năm 2020 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

4.7. Nguồn vốn Sự nghiệp giáo dục:

Kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2020 là 22.000 triệu đồng, UBND huyện đã phân bổ 21.399,4 triệu đồng để thực hiện 27 công trình khởi công mới và 07 công trình hoàn thành. Đến ngày 30/11/2020 đã giải ngân 15.232,6/21.399,4 triệu đồng, đạt tỷ lệ 71,2% kế hoạch vốn giao. Trong đó, đối với các công trình khởi công mới giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng là 15.090,0 triệu đồng, thực hiện 11 công trình cải tạo sửa chữa trường, lớp học. Đã giải ngân là 11.193,1/15.090,0 triệu đồng, đạt 74,2% kế hoạch. Giao cho UBND cấp xã để cải tạo, sửa chữa nhà, lớp học là 4.910,0 triệu đồng thực hiện 15 công trình khởi công mới. Đã giải ngân là 2.296,1/4.910,0 triệu đồng, đạt 46,8% kế hoạch. Dự kiến đến hết năm sẽ giải ngân được 90% kế hoạch vốn giao, nguồn kinh phí còn lại sẽ thực hiện chuyển kết dư ngân sách sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

4.7. Nguồn vốn Sự nghiệp Kinh tế: Tổng kinh phí năm 2020 là 21.548,0 triệu đồng, đã giải ngân 16.822,8/21.548,0 triệu đồng, đạt 78,1% kế hoạch vốn giao. Dự kiến đến hết năm 2020 sẽ giải ngân đạt 90% kế hoạch vốn giao, nguồn kinh phí còn lại sẽ thực hiện chuyển kết dư ngân sách sang năm 2021. Chủ yếu tập trung trả nợ các công trình chuyển tiếp và triển khai một số công trình cấp thiết đã được Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện cho ý kiến như: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước nội thị thị trấn Chợ Chu (đoạn từ trường tiểu học Chợ Chu đến cầu Ba Ngạc), Duy tu, sửa chữa các tuyến đường huyện năm 2020.

Các công trình chuyển tiếp đều cơ bản giải ngân đạt trên 80% kế hoạch, đối với các công trình khởi công mới: Công trình Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước nội thị thị trấn Chợ Chu (đoạn từ trường tiểu học Chợ Chu đến cầu Ba Ngạc); công trình: Duy tu, sửa chữa các tuyến đường huyện năm 2020 đang tích cực thi công ngoài hiện trường.

4.8. Nguồn thu tiền sử dụng đất: Kế hoạch nguồn tiền đất (phần huyện hưởng) năm 2020 là 911,5 triệu đồng, việc phân bổ phụ thuộc vào tiến độ thu trên địa bàn, UBND huyện đã báo cáo Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện phân bổ chi tiết 493,5 triệu đồng để trả nợ công trình đã phê duyệt quyết toán và hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu xử lý rác thải xã Tân Thịnh. Hiện nay đã giải ngân đạt 277,6/493,5 triệu đồng, đạt tỷ lệ 56,2% kế hoạch vốn giao. Dự kiến

đến hết năm 2020 sẽ giải ngân đạt 90% kế hoạch vốn giao, nguồn vốn còn lại thực hiện chuyển nguồn sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

4.9. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách huyện: Đã thực hiện phân bổ 7.386,6 triệu đồng trả nợ các công trình đã phê duyệt quyết toán và thực hiện các công trình được Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện cho chủ trương, đã giải ngân 6.707,4/7.386,6 triệu đồng, đạt 90,8% Kế hoạch vốn giao. Dự kiến đến hết năm 2020 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020.

1. Những kết quả đạt được:

- Công tác huy động nguồn vốn đầu tư tiếp tục được quan tâm thực hiện, tỷ lệ huy động vốn trong năm 2020 tăng cao hơn so với năm 2019.

- UBND huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch, đưa ra những giải pháp đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án hoàn thành, tiến độ thực hiện dự án, tính đến tháng 9 năm 2020 và đến thời điểm báo cáo tỷ lệ giải ngân, tỷ lệ quyết toán dự án hoàn thành đều đã tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2019.

2. Một số hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:

2.1. Một số hạn chế, tồn tại

- Mặc dù tỷ lệ quyết toán dự án hoàn thành đã tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2019, tuy nhiên công tác lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của các chủ đầu tư chậm, vẫn còn các công trình, các chủ đầu tư chưa lập, chưa trình báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn của huyện vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của Tỉnh. Tiến độ thực hiện một số công trình bao gồm cả công trình chuyển tiếp và công trình khởi công mới của các chủ đầu tư còn chậm.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng của một số chủ đầu tư chưa nghiêm túc và chưa đảm bảo về cả thời gian và biểu mẫu theo quy định.

2.2. Nguyên nhân

- Công tác đôn đốc của các chủ đầu tư đối với các đơn vị tư vấn thiết kế, các đơn vị thi công xây lắp chưa thật tích cực, sát sao nên tiến độ một số công trình chuyển tiếp, công trình khởi công mới chậm thực hiện dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp.

- Năng lực của một số chủ đầu tư còn yếu, công tác khảo sát ban đầu xác định tổng mức đầu tư công trình còn kém, còn tồn tại một số công trình vượt tổng mức đầu tư.

- Do ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch Covid-19 nên mặc dù được giao nhiệm vụ chủ đầu tư sớm, tuy nhiên một số công trình khởi công mới không được kịp thời khảo sát, thiết kế.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂM 2021.

1. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện năm 2021.

Năm 2021 là năm đầu tiên của thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; đây là năm tiền đề, là bước khởi đầu cho cả giai đoạn tới, để thực hiện tốt công tác huy động và quản lý nguồn vốn trong năm 2021, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản liên quan; trong quá trình thực hiện cần kiểm soát chặt chẽ các khâu lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phương án huy động nguồn lực đầu tư, thẩm định và quyết định đầu tư, công tác xử lý nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và đặc biệt là các hành vi bị cấm trong đầu tư công.

- Tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, kênh mương thủy lợi trên địa bàn, đáp ứng các yêu cầu thiết yếu cho hoạt động sản xuất kinh tế, du lịch và dịch vụ trên địa bàn. Thông tin, tuyên truyền sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện về phong trào toàn dân thực hiện xây dựng nông thôn mới và hiến đất, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng các công trình nhằm huy động hiệu quả nguồn lực trong dân, nâng cao hơn nữa sức cạnh tranh trong việc mời gọi đầu tư. Tổ chức lồng ghép đầu tư có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, từ Tỉnh và các nguồn lực tại địa phương để đảm bảo tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đáp ứng các yêu cầu về kết cấu hạ tầng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn, nhất là trong công tác quản lý vốn và quản lý chất lượng các công trình xây dựng.

2. Dự kiến các nguồn vốn năm 2021.

Tổng nguồn vốn năm 2021 dự kiến là: 84.472 triệu đồng, trong đó:

- a) Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối: Hiện nay Tỉnh chưa có thông báo chính thức, dự kiến khoảng 20.000 triệu đồng.

- b) Đối với nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, hiện UBND tỉnh chưa có thông báo do vậy chưa có cơ sở để xác định nguồn lực.

- c) Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 1.800 triệu đồng.

d) Nguồn vốn cấp bù do miễn thu thủy lợi phí và kinh phí thực hiện nghị định 35/2015/NĐ-CP, dự kiến năm 2021: 9.672 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí cấp bù do miễn thu Thủy lợi phí: 4.783 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP: 4.889 triệu đồng.

e) Dự kiến trong năm 2021, nguồn lực ngân sách huyện sẽ bố trí: 53.000 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ, trong đó:

- Nguồn kinh phí cấp quyền sử dụng đất phần ngân sách huyện, xã quản lý: 6.000 triệu đồng.
- Nguồn sự nghiệp ngân sách huyện: 32.000 triệu đồng.
- Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 15.000 triệu đồng.

3. Phương án phân bổ nguồn lực năm 2021.

a) Các căn cứ để xây dựng phương án:

- Luật Đầu tư công năm 2019.
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công;
- Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên.
- Mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 và năm 2021 tại địa phương.

b) Dự kiến phương án phân bổ:

Công tác phân bổ nguồn vốn phải chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý vốn đầu tư xây dựng, đặc biệt là Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương.

Trong phân bổ các nguồn vốn, bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau đây:

+ Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã phê duyệt quyết toán, ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021;

+ Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt và bố trí tối đa không quá 90% tổng dự toán công trình được duyệt;

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các công trình, dự án theo thứ tự ưu tiên nêu trên, mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới đáp ứng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

Trong trường hợp đặc biệt, cấp bách, UBND huyện xin ý kiến Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện xem xét, quyết định cụ thể.

- Phương án phân bổ đối với các nguồn vốn cụ thể như sau:

Đối với các nguồn vốn đầu tư công (***Nguồn vốn NS Tỉnh phân cấp, các nguồn vốn đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia***), tại kỳ họp thứ 13 – HĐND tỉnh Thái Nguyên diễn ra từ ngày 09-11/12/2020, UBND tỉnh mới trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cũng như phân kỳ 2021, UBND tỉnh chưa thông báo cho UBND các huyện. Ngay sau khi có thông báo nguồn vốn cụ thể, UBND huyện sẽ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cũng như phân kỳ 2021 để báo cáo xin ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện để triển khai thực hiện. Việc phân bổ các nguồn vốn đầu tư công sẽ đảm bảo theo phương án của từng nguồn vốn như sau:

**** Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối:*** Ưu tiên bố trí cho các công trình chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; sau khi bố trí đủ nguồn vốn cho các công trình chuyển tiếp theo tiến độ, mới bố trí cho các dự án khởi công mới trong năm 2021 đáp ứng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

**** Các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia:***

- ***Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững:*** Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình đã phê duyệt quyết toán, bố trí vốn cho các công trình chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ và bố trí tối đa không quá 90% tổng dự toán công trình được duyệt; bố trí cho danh mục các công trình khởi công mới theo quy định.

- ***Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới:*** Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình đã phê duyệt quyết toán, bố trí vốn cho các công trình chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ và bố trí tối đa không quá 90% tổng dự toán công trình được duyệt; bố trí cho danh mục các công trình khởi công mới theo quy định.

Đối với nguồn vốn Ngân sách Nhà nước Chương trình MTQG XD NTM lồng ghép với nguồn hỗ trợ xi măng của Tỉnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông

thôn mới, tiếp tục thực hiện hỗ trợ theo định mức quy định tại Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 30/7/2014.

*** Nguồn hỗ trợ xi măng của Tỉnh:** Tập trung ưu tiên phân bổ theo danh mục công trình trong danh mục chương trình MTQG XD nông thôn mới. Nếu có sự tăng giảm khối lượng xi măng hỗ trợ cho các công trình, UBND huyện sẽ báo cáo, xin ý kiến Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện phương án điều chỉnh cụ thể.

*** Nguồn vốn cấp bù do miễn thu thủy lợi phí và hỗ trợ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP:** Dành 20% kinh phí cấp bù do miễn thu Thủy lợi Phí, thực hiện công tác khoán quản lý điều hành, 80% nguồn kinh phí cấp bù do miễn thu Thủy lợi Phí còn lại và kinh phí hỗ trợ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ưu tiên trả nợ các công trình chuyển tiếp, hoàn thành và duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi.

*** Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo:** Ưu tiên bố trí trả nợ các công trình chuyển tiếp, hoàn thành và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, xây dựng các công trình trường học theo lộ trình để công nhận chuẩn.

*** Nguồn sự nghiệp ngân sách huyện:** Ưu tiên nguồn lực cho các công trình chuyển tiếp, bố trí thực hiện các Chương trình, Đề án của Cấp ủy huyện trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, văn hóa, du lịch; các hoạt động Sự nghiệp tài nguyên, sự nghiệp kiến thiết thị chính, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; hỗ trợ các quỹ tài chính trên địa bàn huyện; hỗ trợ các đơn vị, địa phương thực hiện kết luận của Huyện ủy.

*** Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất:** Dành 10% kinh phí để điều tiết về ngân sách tỉnh theo Nghị quyết của HĐND Tỉnh; 10% thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất.

Phần kinh phí còn lại thực hiện chi cho đầu tư phát triển trong đó:

- Phần kinh phí điều tiết về ngân sách huyện do UBND huyện tham mưu trình HĐND huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình dự án chuyển tiếp.

- Phần kinh phí điều tiết về ngân sách xã do UBND các xã, thị trấn báo cáo HĐND cùng cấp phân bổ cho danh mục, dự án đầu tư phát triển. Việc phân bổ cho các công trình đầu tư phải tuân thủ các quy định của Trung ương, của Tỉnh và định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho các công trình theo Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 30/7/2014 của HĐND huyện.

*** Nguồn vốn thực hiện các dự án ODA, hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (nếu có):** Thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và của Tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020, phương án phân bổ nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng năm 2021 trên địa bàn huyện Định Hóa./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tú

BIỂU KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020 HUYỆN ĐỊNH HÓA

(Kèm theo Báo cáo số **381** /BC-UBND ngày **11** tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Định Hóa)

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020					Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	Khác			
	TỔNG CỘNG	257.720,1	130.862,0	65.346,6	61.511,5	0,0	173.732,9	67,4	
	KẾ HOẠCH ĐÃ PHÂN BỐ CHI TIẾT	256.701,5	130.862,0	65.346,6	60.492,9	0,0	173.732,9	67,7	
	KẾ HOẠCH CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT	1.018,6	0,0	0,0	1.018,6	0,0	0,0	0,0	
I	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG (ATK + 40% phân cấp)	70.590,0	48.000,0	22.590,0	0,0	0,0	52.584,9	74,5	
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp:	60.543,0	38.500,0	22.043,0	0,0	0,0	47.153,1	77,9	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	55.661,0	38.500,0	17.161,0	0,0	0,0	44.568,1	80,1	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Định Hóa	7.295,0	7.295,0				4.343,0	59,5	
2	Cầu vượt Sông Chu thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa	6.730,0	6.730,0		0,0	0,0	4.966,9	73,8	
3	Đường sang khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Định Hóa	1.655,0	1.655,0				1.655,0	100,0	
4	Nhà 2 tầng 8 phòng học bộ môn, phòng chức năng trường THCS Kim Phụng	2.000,0		2.000,0			2.000,0	100,0	
5	Nhà 2 tầng 10 phòng trường THCS Sơn Phú	3.777,0	3.699,0	78,0			3.777,0	100,0	
6	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường tiểu học Bình Yên	1.000,0		1.000,0			1.000,0	100,0	
7	Nhà 2 tầng 8 phòng nhà hiệu bộ, phòng chức năng trường Mầm non Linh Thông	800,0		800,0	0,0	0,0	800,0	100,0	
8	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường MN Phụng Tiến	1.700,0	1.700,0				1.520,3	89,4	
9	Các hạng mục phụ trợ trường THCS Phú Đình	1.700,0	1.700,0				1.700,0	100,0	
10	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Chợ Chu	1.400,0	1.400,0				1.563,0	111,6	
11	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Linh Thông	100,0	100,0				75,7	75,7	
12	Kè chống xói lở bờ sông Chu (đoạn từ Nà Linh đến đường tràn Tân Dương)	230,0		230,0			0,0	0,0	
13	Đường Tân Thịnh - Khe Thĩ huyện Định Hóa	6.862,0		6.862,0			5.198,8	75,8	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020					Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	Khác			
14	Hồ chứa nước Đèo Phụng, xã Linh Thông, huyện Định Hóa	20.237,0	14.046,0	6.191,0			15.968,4	78,9	
15	Hồ chứa nước Đồng Lá xã Điềm Mặc huyện Định Hóa	175,0	175,0				0,0	0,0	
	Cơ quan Huyện ủy	4.882,0	0,0	4.882,0	0,0	0,0	2.585,0	52,9	
1	Hội trường lớn trung tâm huyện	4.882,0		4.882,0			2.585,0	52,9	
b	Dự án khởi công mới:	10.047,0	9.500,0	547,0	0,0	0,0	5.431,8	54,1	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng								
1	Hồ Làng Pháng xã Bình Thành	547,0		547,0			547,0	100,0	
2	Sân lễ hội Chùa hang thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa	4.750,0	4.750,0				2.457,7	51,7	
3	Hồ điều hòa và công viên cây xanh thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa	4.750,0	4.750,0		0,0	0,0	2.427,0	51,1	
II	NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ	28.529,6	0,0	28.529,6	0,0	0,0	20.006,3	70,1	
1	Nguồn vốn hỗ trợ Đề án 2037	144,6	0,0	144,6	0,0	0,0	144,6	100,0	
a	Công trình đã phê duyệt quyết toán	144,6	0,0	144,6	0,0	0,0	144,6	100,0	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng								
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Pác Máng, xã Định Biên	144,6	0,0	144,6	0,0	0,0	144,6	100,0	
2	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	1.650,0	0,0	1.650,0	0,0	0,0	995,1	60,3	
a	Dự án khởi công mới:	1.650,0	0,0	1.650,0	0,0	0,0	995,1	60,3	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng								
1	Trường mầm non Quy Kỳ - Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng	1.650,0	0,0	1.650,0	0,0	0,0	995,1	60,3	
3	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ thực hiện Kết luận Tỉnh ủy	5.000,0	0,0	5.000,0	0,0	0,0	4.708,8	94,2	
a	Dự án khởi công mới:	5.000,0	0,0	5.000,0	0,0	0,0	4.708,8	94,2	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng								
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kim Sơn - Kim Phụng, huyện Định Hóa	5.000,0	0,0	5.000,0	0,0	0,0	4.708,8	94,2	
4	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ nhiệm vụ cải tạo nghĩa trang	400,0	0,0	400,0	0,0	0,0	400,0	100,0	
a	Dự án đã phê duyệt quyết toán	400,0	0,0	400,0	0,0	0,0	400,0	100,0	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện			
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng							
1	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang Liệt sỹ huyện Định Hóa	400,0	0,0	400,0	0,0	0,0	400,0	100,0
5	Nguồn vốn Tỉnh hỗ trợ	6.835,0	0,0	6.835,0	0,0	0,0	2.335,0	34,2
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp:	2.335,0	0,0	2.335,0	0,0	0,0	2.335,0	100,0
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng							
1	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường huyện năm 2019	2.335,0	0,0	2.335,0	0,0	0,0	2.335,0	100,0
b	Dự án khởi công mới	4.500,0	0,0	4.500,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng							
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tân Dương - Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng	4.500,0	0,0	4.500,0	0,0	0,0	0,0	0,0
6	Dự phòng Ngân sách Tỉnh chuyển sang năm 2020	6.000,0	0,0	6.000,0	0,0	0,0	5.447,2	90,8
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp:							
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng							
1	Xử lý sạt lở trên tuyến đường giao thông liên xã Chợ Chu-Kim Phụng-Lam Vỹ	3.500,0	0,0	3.500,0	0,0	0,0	3.500,0	100,0
	Phòng Nông nghiệp - PTNT							
1	Hỗ trợ xử lý cấp bách đập Nạ Rì, xã Bình Thành	2.500,0		2.500,0			1.947,2	77,9
7	Dự phòng Ngân sách Tỉnh năm 2020	3.000,0	0,0	3.000,0	0,0	0,0	1.183,0	39,4
b	Dự án khởi công mới:	3.000,0	0,0	3.000,0	0,0	0,0	1.183,0	39,4
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng							
1	Cải tạo, nâng cấp tràn Làng Phây, xã Sơn Phú	3.000,0	0,0	3.000,0	0,0	0,0	1.183,0	39,4
8	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ năm 2019 chuyển sang	4.500,0	0,0	4.500,0	0,0	0,0	4.320,7	96,0
a	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp:							
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng							
1	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Thị trấn Chợ Chu (giai đoạn 2)	2.500,0	0,0	2.500,0	0,0	0,0	2.320,7	92,8

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện			
b	Dự án khởi công mới:							
	Phòng Tài Nguyên - Môi trường							
1	Cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải tại xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	2.000,0	0,0	2.000,0	0,0	0,0	2.000,0	100,0
9	Kinh phí khen thưởng trong xây dựng nông thôn mới	1.000,0	0,0	1.000,0	0,0	0,0	472,0	47,2
b	Dự án khởi công mới:	1.000,0	0,0	1.000,0	0,0	0,0	472,0	47,2
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng							
1	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Kim Phượng - Hạng mục: Nhà lớp học (giai đoạn 2)	500,0	0,0	500,0	0,0	0,0	472,0	94,4
	UBND xã Kim Phượng							
1	Đường nội đồng cầu cứng Nam Cơ, xã Kim Phượng	500,0	0,0	500,0	0,0	0,0	0,0	0,0
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	69.069,0	56.319,0	12.750,0	0,0	0,0	39.327,4	56,9
a	Các công trình hoàn thành, chuyển tiếp	18.942,9	15.014,7	3.928,2	0,0	0,0	14.619,3	77,2
<u>1</u>	<u>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng</u>	<u>12.891,4</u>	<u>9.592,1</u>	<u>3.299,3</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>8.739,7</u>	<u>67,8</u>
1	Xây mới Nhà văn hóa xã và các phòng chức năng xã Kim Phượng	165,4	165,4				165,4	100,0
2	Xây mới chợ xã Thanh Định	143,3	143,3				143,3	100,0
3	Đường giao thông Bộc Nhiêu - Sơn Phú huyện Định Hóa	213,7	213,7				213,7	100,0
4	Cải tạo nền chợ Bình Yên	336,8	336,8				0,0	0,0
5	Xây dựng chợ xã Phú Đình	36,3	36,3				36,6	100,8
6	Đường giao thông Trung Lương - Bộc Nhiêu	1.388,2	1.388,2				80,0	5,8
7	Đường giao thông Khuân Ca - An Thịnh	1.498,1	1.498,1				1.446,1	96,5
8	Các hạng mục phụ trợ Trường THCS Phú Đình	1.595,1	1.595,1				1.547,1	97,0
9	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường tiểu học Bình Yên	1.369,7	1.369,7				1.325,1	96,7
10	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa - Hạng mục: Nhà Hội trường	977,0		977,0			943,8	96,6
11	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Trung Lương-Hạng mục: Nhà Hội trường	314,6		314,6			279,8	88,9

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020					Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	Khác			
12	Nhà 2 tầng 10 phòng trường THCS Sơn Phú	1.130,8	1.130,8				600,0	53,1	
13	Nâng cấp các cầu trần trên tuyến đường Quy Kỳ- Linh Thông - Lam Vỹ	1.007,7		1.007,7			803,4	79,7	
14	Đường giao thông Chợ Nập - Bản Là 1 xã Bình Thành	667,7	667,7				520,2	77,9	
15	Nhà văn hóa xã Phú Đình	319,5	319,5				282,7	88,5	
16	San nền sân văn hóa - thể thao xã Phú Đình (địa điểm mới)	106,9	106,9				89,0	83,3	
17	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Trung Lương	66,0	66,0				13,4	20,3	
18	Nhà văn hóa thể thao xã Sơn Phú	324,4	324,4				150,0	46,2	
19	Chợ nông thôn xã Sơn Phú	187,7	187,7				100,0	53,3	
20	Xây dựng nhà văn hóa và 04 phòng chức năng xã Phúc Chu	42,5	42,5				0,0	0,0	
21	Đường liên xóm Thịnh Mỹ 1, Thịnh Mỹ 2, Thịnh Mỹ 3 xã Tân Thịnh	500,0	0,0	500,0			0,0	0,0	
22	Đường trần Đèo Tọt xã Đồng Thịnh	500,0	0,0	500,0			0,0	0,0	
2	<u>Phòng Kinh tế - Hạ tầng</u>	<u>1.537,6</u>	<u>1.537,6</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.537,6</u>	<u>100,0</u>	
1	Cầu Bình Nguyên, xã Diềm Mặc và Cầu Thịnh Mỹ 3, xã Tân Thịnh	1.537,6	1.537,6				1.537,6	100,0	
3	<u>UBND xã Lam Vỹ</u>	<u>125,3</u>	<u>125,3</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>125,3</u>	<u>100,0</u>	
4	<u>UBND xã Tân Dương</u>	<u>115,9</u>	<u>115,9</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>115,9</u>	<u>100,0</u>	
5	<u>UBND xã Linh Thông</u>	<u>226,7</u>	<u>226,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>226,7</u>	<u>100,0</u>	
6	<u>UBND xã Bình Thành</u>	<u>107,7</u>	<u>107,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>107,7</u>	<u>100,0</u>	
7	<u>Xã Phương Tiến</u>	<u>58,8</u>	<u>58,8</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>55,8</u>	<u>94,9</u>	
8	<u>Xã Đồng Thịnh</u>	<u>34,8</u>	<u>34,8</u>				<u>34,8</u>	<u>100,0</u>	
9	<u>Xã Bộc Nhiêu</u>	<u>117,8</u>	<u>39,1</u>	<u>78,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>117,8</u>	<u>100,0</u>	
10	<u>Xã Diềm Mặc</u>	<u>90,7</u>	<u>90,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>90,7</u>	<u>100,0</u>	
11	<u>Xã Bảo Cường</u>	<u>46,0</u>	<u>46,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>46,0</u>	<u>100,0</u>	
12	<u>Xã Trung Hội</u>	<u>29,7</u>	<u>29,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>29,7</u>	<u>100,0</u>	
13	<u>Xã Thanh Đình</u>	<u>185,3</u>	<u>185,3</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>185,3</u>	<u>100,0</u>	
14	<u>UBND xã Phú Đình</u>	<u>1.080,5</u>	<u>1.080,5</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.057,6</u>	<u>97,9</u>	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:				Kinh phí giải ngân		Tỷ lệ (%)
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	Khác			
15	UBND xã Trung Lương	38,8	38,8	0,0	0,0	0,0	38,8	100,0	
16	UBND xã Kim Phương	652,9	102,7	550,2	0,0	0,0	563,5	86,3	
17	UBND xã Bình Yên	44,7	44,7	0,0	0,0	0,0	44,7	100,0	
18	Xã Đình Biên	127,1	127,1	0,0	0,0	0,0	77,3	60,8	
19	Xã Bảo Linh	15,2	15,2	0,0	0,0	0,0	14,0	92,1	
20	Xã Quy Kỳ	126,9	126,9	0,0	0,0	0,0	126,9	100,0	
21	Xã Phúc Chu	23,7	23,7	0,0	0,0	0,0	23,7	100,0	
22	Xã Tân Thịnh	74,8	74,8	0,0	0,0	0,0	74,8	100,0	
23	Xã Phú Tiến	92,7	92,7	0,0	0,0	0,0	87,1	94,0	
24	UBND xã Sơn Phú	1.097,9	1.097,9	0,0	0,0	0,0	1.097,9	100,0	
b	Các công trình khởi công mới	50.126,1	41.304,3	8.821,8	0,0	0,0	24.708,1	49,3	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	27.786,7	20.564,9	7.221,8	0,0	0,0	14.550,4	52,4	
1	Nhà văn hóa - thể thao xã Bộc Nhiêu	3.420,0	3.420,0				2.116,0	61,9	
2	Nâng cấp chợ nông thôn xã Bộc Nhiêu	2.250,0	2.250,0				1.131,1	50,3	
3	Đường giao thông nông thôn Làng Mới, xã Phúc Chu đi xóm Làng Chùa, xã Bảo Cường	1.700,0	1.700,0				1.170,4	68,8	
4	Đường giao thông liên xóm Nà Kéo - Bản Pấu, xã Quy Kỳ	2.250,0	2.250,0				1.166,5	51,8	
5	Trường mầm non Quy Kỳ - Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng	1.450,0	450,0	1.000,0			900,7	62,1	
6	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt cho khu tái định cư và vùng lân cận tại xã Linh Thông	1.440,0	1.440,0				804,9	55,9	
7	Đường liên thôn Đồng Kền - Nà Loòng - Cốc Ngạn, xã Lam Vỹ	1.300,0	1.300,0				1.245,4	95,8	
8	Đường nội đồng Hợp Thành - Nạ Lai, xóm Pa Goải, xã Phụng Tiến	2.700,0	2.700,0				1.194,3	44,2	
9	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Trạm Thủy luân đến trụ sở UBND xã Phụng Tiến	1.700,0		1.700,0			0,0	0,0	
10	Các hạng mục phụ trợ trường mầm non Quy Kỳ	4.521,8		4.521,8			3.191,8	70,6	
11	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Kim Sơn - Kim Phương	5.054,9	5.054,9				1.629,3	32,2	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)		
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện				Khác
2	<u>Phòng Kinh tế - Hạ tầng</u>	<u>4.900,0</u>	<u>4.900,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>2.962,5</u>	<u>60,5</u>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh ven hồ Đèo Phụng, xã Linh Thông	2.450,0	2.450,0				1.466,8	59,9	
2	Nâng cấp, cải tạo tràn Gốc Hồng, xã Quy Kỳ	2.450,0	2.450,0				1.495,7	61,0	
3	<u>Phòng Tài nguyên và Môi trường</u>	<u>500,0</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải tại xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	500,0	500,0				0,0	0,0	
4	<u>Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</u>	<u>1.736,1</u>	<u>1.736,1</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>800,0</u>	<u>46,1</u>	
1	Kè chống xói lở cánh đồng Đồng Xuân - Đồng Pài, xã Định Biên	1.736,1	1.736,1				800,0	46,1	
5	<u>UBND xã Bảo Cường</u>	<u>1.600,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.600,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>712,8</u>	<u>44,6</u>	
*	<u>Nông thôn mới kiểu mẫu</u>								
1	Kênh thoát nước thải thôn Khẩu Bảo (Giai đoạn 2), xã Bảo Cường	485,6		485,6			268,3	55,3	
2	Đường liên thôn Thâm Tý - Làng Chùa 1+2, xã Bảo Cường	1.114,4		1.114,4			444,5	39,9	
6	<u>UBND xã Trung Lương</u>	<u>705,5</u>	<u>705,5</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
7	<u>UBND xã Bộc Nhiêu</u>	<u>820,0</u>	<u>820,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>666,2</u>	<u>81,2</u>	
8	<u>UBND xã Sơn Phú</u>	<u>1.204,3</u>	<u>1.204,3</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>688,6</u>	<u>57,2</u>	
9	<u>UBND xã Phú Đình</u>	<u>627,2</u>	<u>627,2</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>313,6</u>	<u>50,0</u>	
10	<u>UBND xã Thanh Đình</u>	<u>783,6</u>	<u>783,6</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
11	<u>UBND xã Kim Phương</u>	<u>390,2</u>	<u>390,2</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
12	<u>UBND xã Phương Tiến</u>	<u>652,9</u>	<u>652,9</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>363,4</u>	<u>55,7</u>	
13	<u>UBND xã Đồng Thịnh</u>	<u>376,1</u>	<u>376,1</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
14	<u>UBND xã Trung Hội</u>	<u>399,4</u>	<u>399,4</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>330,4</u>	<u>82,7</u>	
15	<u>UBND xã Phúc Chu</u>	<u>215,6</u>	<u>215,6</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
16	<u>UBND xã Bình Yên</u>	<u>690,5</u>	<u>690,5</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>284,8</u>	<u>41,2</u>	
17	<u>Xã Định Biên</u>	<u>497,7</u>	<u>497,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>197,9</u>	<u>39,8</u>	
18	<u>UBND xã Tân Dương</u>	<u>626,6</u>	<u>626,6</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
19	<u>UBND xã Tân Thịnh</u>	<u>723,7</u>	<u>723,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>723,7</u>	<u>100,0</u>	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020					Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	Khác			
20	UBND xã Bình Thành	1.079,0	1.079,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
21	UBND xã Quy Kỳ	677,8	677,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
22	UBND xã Bảo Linh	55,2	55,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
23	UBND xã Phú Tiến	776,8	776,8	0,0	0,0	0,0	776,8	100,0	
24	UBND xã Linh Thông	710,1	710,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
25	UBND xã Lam Vỹ	1.069,2	1.069,2	0,0	0,0	0,0	815,1	76,2	
26	UBND xã Diêm Mắc	521,8	521,8	0,0	0,0	0,0	521,8	100,0	
IV	NGUỒN VỐN NSTW - CT MTQG XD NTM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ	5.445,0	5.445,0	0,0	0,0	0,0	2.965,0	54,5	
a	Công trình khởi công mới								
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng								
1	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm và hệ thống dẫn nước vào vùng sản xuất tập trung của hợp tác xã Tân Tiến, xã Tân Dương	2.965,0	2.965,0				2.965,0	100,0	
2	UBND xã Sơn Phú								
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng Hợp tác xã nông sản Phú Đạt, xã Sơn Phú	2.480,0	2.480,0				0,0	0,0	
V	NGUỒN VỐN CT MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	23.525,0	21.098,0	1.477,0	950,0	0,0	11.558,3	49,1	
a	Các công trình đã phê duyệt quyết toán, công trình chuyển tiếp	6.181,7	3.754,7	1.477,0	950,0	0,0	4.948,0	80,0	
1	UBND xã Định Biên	371,3	281,8	89,5	0,0	0,0	371,3	100,0	
2	Xã Quy Kỳ	584,9	536,7	48,2	0,0	0,0	584,9	100,0	
3	Xã Tân Thịnh	242,8	242,8	0,0	0,0	0,0	242,8	100,0	
4	Xã Phú Đình	289,7	40,5	203,2	46,0	0,0	289,7	100,0	
5	Xã Kim Phương	508,4	0,0	0,0	508,4	0,0	96,6	19,0	
6	Xã Bình Yên	363,0	202,2	65,0	95,8	0,0	353,5	97,4	
7	Xã Tân Dương	601,7	601,7	0,0	0,0	0,0	601,7	100,0	
8	Xã Thanh Đình	184,2	0,0	63,0	121,2	0,0	184,2	100,0	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020					Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:				Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện	Khác			
9	Xã Sơn Phú	967,1	873,7	93,4	0,0	0,0	612,7	63,4	
10	Xã Phú Tiến	300,5	86,0	78,3	136,2	0,0	211,5	70,4	
11	Xã Lam Vỹ	112,4	112,4	0,0	0,0	0,0	112,4	100,0	
12	Xã Linh Thông	211,4	211,4	0,0	0,0	0,0	211,4	100,0	
13	Xã Bình Thành	84,0	22,7	61,3	0,0	0,0	17,5	20,8	
14	Xã Diêm Mắc	203,7	203,7	0,0	0,0	0,0	80,0	39,3	
15	Xã Trung Lương	764,1	52,4	711,7	0,0	0,0	691,2	90,5	
16	Xã Bộc Nhiêu	286,7	286,7	0,0	0,0	0,0	286,7	100,0	
17	Xã Trung Hội	63,4	0,0	63,4	0,0	0,0	0,0	0,0	
18	Xã Phúc Chu	42,4	0,0	0,0	42,4	0,0	0,0	0,0	
b	Công trình khởi công mới	17.343,3	17.343,3	0,0	0,0	0,0	6.610,3	38,1	
1	Xã Đĩnh Biên	588,0	588,0	0,0	0,0	0,0	578,3	98,4	
2	Xã Tân Dương	548,7	548,7	0,0	0,0	0,0	405,8	74,0	
3	Xã Linh Thông	970,0	970,0	0,0	0,0	0,0	672,8	69,4	
4	Xã Bảo Linh	1.274,0	1.274,0	0,0	0,0	0,0	1.076,3	84,5	
5	Xã Bình Thành	931,0	931,0	0,0	0,0	0,0	506,9	54,5	
6	Xã Tân Thịnh	1.151,4	1.151,4	0,0	0,0	0,0	1.051,4	91,3	
7	Xã Diêm Mắc	1.066,4	1.066,4	0,0	0,0	0,0	522,4	49,0	
8	Xã Quy Kỳ	355,8	355,8	0,0	0,0	0,0	182,2	51,2	
9	Xã Bộc Nhiêu	735,0	735,0	0,0	0,0	0,0	425,3	57,9	
10	Xã Lam Vỹ	882,0	882,0	0,0	0,0	0,0	540,7	61,3	
11	Xã Sơn Phú	586,6	586,6	0,0	0,0	0,0	289,7	49,4	
12	Xã Phú Tiến	686,0	686,0	0,0	0,0	0,0	358,5	52,3	
13	Xã Thanh Đình	750,0	750,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
14	Xã Phú Đình	750,0	750,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)	
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện			
15	Xã Đồng Thịnh	800,0	800,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
16	Xã Phương Tiến	800,0	800,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
17	Xã Trung Hội	800,0	800,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
18	Xã Kim Phương	1.300,0	1.300,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
19	Xã Phúc Chu	1.200,0	1.200,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
20	Xã Bảo Cường	200,0	200,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
21	Xã Bình Yên	968,4	968,4	0,0	0,0	0,0	0,0	
VI	NGUỒN VỐN CẤP BÙ DO MIỄN THU THỦY LỢI PHÍ VÀ HỖ TRỢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 35/2015/NĐ-CP	8.715,4	0,0	0,0	8.715,4	0,0	8.250,8	94,7
a	Các công trình đã phê duyệt quyết toán	4.351,6	0,0	0,0	4.351,6	0,0	4.351,6	100,0
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2.195,3	0,0	0,0	2.195,3	0,0	2.195,3	100,0
2	Phòng Nông nghiệp - PTNT	2.156,3	0,0	0,0	2.156,3	0,0	2.156,3	100,0
b	Các công trình chuyển tiếp	2.525,0	0,0	0,0	2.525,0	0,0	2.525,0	100,0
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	900,0	0,0	0,0	900,0	0,0	900,0	100,0
1	Cải tạo, sửa chữa đập dâng Đồng Tuồng, xã Phú Đình	500,0			500,0		500,0	100,0
2	Cải tạo, sửa chữa kênh mương Đèo De, xã Phú Đình	400,0			400,0		400,0	100,0
2	Phòng Nông nghiệp - PTNT	825,0	0,0	0,0	825,0	0,0	825,0	100,0
1	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương Nà Kéo - Bản Cọ, xã Quy Kỳ	825,0			825,0		825,0	100,0
3	UBND xã Sơn Phú	800,0	0,0	0,0	800,0	0,0	800,0	100,0
1	Nâng cấp Trạm bơm điện thôn Lương Bình 1, xã Sơn Phú	800,0			800,0		800,0	100,0
c	Các công trình khởi công mới	1.838,8	0,0	0,0	1.838,8	0,0	1.374,2	74,7
1	Phòng Nông nghiệp - PTNT	1.838,8	0,0	0,0	1.838,8	0,0	1.374,2	74,7
1	Sửa chữa, nâng cấp kênh Nạ Lai, xã Phượng Tiến	1.100,0			1.100,0		818,9	74,4
2	Sửa chữa đập Vai Quan, xã Quy Kỳ	500,0			500,0		463,8	92,8
3	Sửa chữa trạm bơm Vực Nạn, xã Tân Dương	100,0			100,0		91,5	91,5

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)		
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện				Khác
4	Cải tạo, nâng cấp đường ống dẫn nước sau hồ Cẩm Húc, xã Phú Tiến	138,8			138,8		0,0	0,0	
VII	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	22.000,0	0,0	0,0	22.000,0	0,0	15.232,6	69,2	
	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết	600,6			600,6				
	Kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết	21.399,4	0,0	0,0	21.399,4	0,0	15.232,6	71,2	
a	Các công trình hoàn thành, chuyển tiếp	749,4	0,0	0,0	749,4	0,0	749,4	100,0	
1	<u>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng</u>	<u>749,4</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>749,4</u>	<u>0,0</u>	<u>749,4</u>	<u>100,0</u>	
b	Các công trình khởi công mới	20.650,0	0,0	0,0	20.650,0	0,0	14.483,2	70,1	
1	<u>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng</u>	<u>15.940,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>15.940,0</u>	<u>0,0</u>	<u>11.770,6</u>	<u>73,8</u>	
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phú Tiến	750,0			750,0		607,6	81,0	
2	Sửa chữa, cải tạo công nhận lại chuẩn trường mầm non Chợ Chu (Khu Ngân hàng cũ)	780,0			780,0		426,1	54,6	
3	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Bình Thành (Khu Trung Tâm + Khu Cây Thị)	980,0			980,0		715,8	73,0	
4	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Phụng Tiến	1.250,0			1.250,0		947,8	75,8	
5	Nâng cấp Trường Mầm non Bảo Linh - Hạng mục: Nhà lớp học (Giai đoạn 2)	5.180,0			5.180,0		3.961,3	76,5	
6	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Lam Vỹ	700,0			700,0		569,0	81,3	
7	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Phụng Tiến	700,0			700,0		566,6	80,9	
8	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Phú Đình	800,0			800,0		732,4	91,6	
9	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Bảo Linh	1.350,0			1.350,0		634,1	47,0	
10	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Thanh Định	750,0			750,0		555,4	74,1	
11	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Hoàng Ngân	2.300,0			2.300,0		1.684,5	73,2	
12	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Kim Phụng - Hạng mục: Nhà lớp học (giai đoạn 2)	400,0			400,0		370,0	92,5	
2	<u>UBND xã Phú Đình</u>	<u>100,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>100,0</u>	<u>0,0</u>	<u>100,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Sửa chữa trường mầm non Phú Đình	100,0			100,0		100,0	100,0	
3	<u>UBND xã Trung Lương</u>	<u>480,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>480,0</u>	<u>0,0</u>	<u>341,4</u>	<u>71,1</u>	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)		
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện				Khác
1	Sửa chữa, cải tạo trường mầm non Trung Lương	100,0			100,0		80,0	80,0	
2	Sửa chữa trường tiểu học Trung Lương	380,0			380,0		261,4	68,8	
4	<u>UBND xã Diêm Mặc</u>	<u>600,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>600,0</u>	<u>0,0</u>	<u>325,6</u>	<u>54,3</u>	
1	Sửa chữa trường mầm non Diêm Mặc	300,0			300,0		162,8	54,3	
2	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Diêm Mặc	300,0			300,0		162,8	54,3	
5	<u>UBND xã Bảo Cường</u>	<u>250,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>250,0</u>	<u>0,0</u>	<u>229,0</u>	<u>91,6</u>	
1	Sửa chữa trường tiểu học Bảo Cường	250,0			250,0		229,0	91,6	
6	<u>UBND xã Đồng Thịnh</u>	<u>280,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>280,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Đồng Thịnh	280,0			280,0		0,0	0,0	
7	<u>UBND xã Tân Thịnh</u>	<u>300,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>300,0</u>	<u>0,0</u>	<u>300,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Sửa chữa trường Tiểu học Tân Thịnh	300,0			300,0		300,0	100,0	
8	<u>UBND xã Bộc Nhiêu</u>	<u>450,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>450,0</u>	<u>0,0</u>	<u>305,7</u>	<u>67,9</u>	
1	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Bộc Nhiêu	450,0			450,0		305,7	67,9	
9	<u>UBND xã Phú Tiến</u>	<u>830,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>830,0</u>	<u>0,0</u>	<u>517,9</u>	<u>62,4</u>	
1	Sửa chữa, nâng cấp trường tiểu học Phú Tiến	380,0			380,0		235,8	62,0	
2	Sửa chữa, cải tạo trường THCS Phú Tiến	450,0			450,0		282,1	62,7	
10	<u>UBND xã Phương Tiến</u>	<u>420,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>420,0</u>	<u>0,0</u>	<u>370,8</u>	<u>88,3</u>	
1	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Phương Tiến	420,0			420,0		370,8	88,3	
11	<u>UBND xã Trung Hội</u>	<u>80,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>80,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Sửa chữa trường THCS Trung Hội	80,0			80,0		0,0	0,0	
12	<u>UBND xã Bình Thành</u>	<u>300,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>300,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Sửa chữa trường THCS Bình Thành	300,0			300,0		0,0	0,0	
13	<u>UBND xã Thanh Định</u>	<u>170,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>170,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Thanh Định	170,0			170,0		0,0	0,0	
14	<u>UBND xã Sơn Phú</u>	<u>450,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>450,0</u>	<u>0,0</u>	<u>222,1</u>	<u>49,4</u>	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)		
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện				Khác
1	Sửa chữa trường THCS Sơn Phú	450,0			450,0		222,1	49,4	
VIII	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ	21.548,0	0,0	0,0	21.548,0	0,0	16.822,8	78,1	
a	Các công trình chuyển tiếp	20.179,3	0,0	0,0	20.179,3	0,0	16.162,8	80,1	
1	<u>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng</u>	<u>10.400,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>10.400,0</u>	<u>0,0</u>	<u>7.393,5</u>	<u>71,1</u>	
1	Nhà đón tiếp, trưng bày ATK tại xã Trung Hội	2.000,0			2.000,0		2.000,0	100,0	
2	Sửa chữa, nâng cấp rãnh dọc hai bên đường từ UBND xã đến Thủy luân xã Phụng Tiến	1.300,0			1.300,0		1.300,0	100,0	
3	Cải tạo nâng cấp chợ Cũ thị trấn Chợ Chu	1.000,0			1.000,0		840,4	84,0	
4	Sửa chữa, nâng cấp Hội trường và tường rào UBND xã Linh Thông	600,0			600,0		600,0	100,0	
5	Cải tạo, nâng cấp kè chống sạt lở bờ sông Chu đoạn cánh đồng xóm Nán Trên, thị trấn Chợ Chu	2.500,0			2.500,0		165,1	6,6	
6	Cải tạo, nâng cấp Đường vào nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chu	2.000,0			2.000,0		1.488,0	74,4	
7	Cải tạo, nâng cấp Đường vào Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Hóa	1.000,0			1.000,0		1.000,0	100,0	
2	<u>Phòng Kinh tế - Hạ tầng</u>	<u>3.779,3</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>3.779,3</u>	<u>0,0</u>	<u>3.599,3</u>	<u>95,2</u>	
1	Cải tạo, sửa chữa Đường tránh lũ qua hồ Bảo Linh xã Bảo Linh	2.500,0			2.500,0		2.500,0	100,0	
2	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường huyện năm 2019	279,3			279,3		279,3	100,0	
3	Nâng cấp hệ thống đèn cao áp chiếu sáng	1.000,0			1.000,0		820,0	82,0	
3	<u>Ban Chỉ huy quân sự huyện Định Hóa</u>	<u>1.500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.500,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ huyện Định Hóa giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn 2035.	1.500,0			1.500,0		1.500,0	100,0	
4	<u>Cơ quan Huyện ủy</u>	<u>4.200,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>4.200,0</u>	<u>0,0</u>	<u>3.600,0</u>	<u>85,7</u>	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục phụ trợ cơ quan Huyện ủy	4.200,0			4.200,0		3.600,0	85,7	
5	<u>Trung tâm bồi dưỡng chính trị</u>	<u>70,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>70,0</u>	<u>0,0</u>	<u>70,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh, bếp ăn, tường rào Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Định Hóa	70,0			70,0		70,0	100,0	
6	<u>UB MTTQ huyện</u>	<u>150,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>150,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)		
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện				Khác
1	Sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ khối đoàn thể huyện Định Hóa	150,0			150,0		0,0	0,0	
4	<u>Văn phòng HĐND&UBND</u>	<u>80,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>80,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà để xe UBND huyện	80,0			80,0		0,0	0,0	
b	Các công trình khởi công mới	1.368,7	0,0	0,0	1.368,7	0,0	660,0	48,2	
1	<u>Phòng Kinh tế - Hạ tầng</u>	<u>1.368,7</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.368,7</u>	<u>0,0</u>	<u>660,0</u>	<u>48,2</u>	
1	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước nội thị trấn Chợ chu (đoạn từ trường Tiểu học Chợ Chu đến cầu Ba Ngạc)	500,0			500,0		500,0	100,0	
2	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường huyện năm 2020	868,7			868,7		160,0	18,4	
IX	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	911,5	0,0	0,0	911,5	0,0	277,6	30,5	
a	Các công trình đã phê duyệt quyết toán	293,5	0,0	0,0	293,5	0,0	277,6	94,6	
1	<u>Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa</u>	<u>239,6</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>239,6</u>	<u>0,0</u>	<u>239,6</u>	<u>100,0</u>	
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà bảo vệ sức khỏe Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	239,6			239,6		239,6	100,0	
2	<u>Phòng Tài Nguyên - Môi trường</u>	<u>53,9</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>53,9</u>	<u>0,0</u>	<u>38,0</u>	<u>70,4</u>	
1	Nhà điều hành tại khu xử lý chất thải rắn thị trấn Chợ Chu	53,9			53,9		38,0	70,4	
b	Công trình khởi công mới	200,0	0,0	0,0	200,0	0,0	0,0		
1	<u>Phòng Tài Nguyên - Môi trường</u>	<u>200,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>200,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải tại xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	200,0			200,0		0,0	0,0	
	Chưa phân bổ chi tiết	418,0			418,0		0,0	0,0	
XI	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH HUYỆN KHÁC	7.386,6	0,0	0,0	7.386,6	0,0	6.707,4	90,8	
a	Các công trình đã phê duyệt quyết toán	586,6	0,0	0,0	586,6	0,0	586,6	100,0	
1	<u>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng</u>	<u>271,6</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>271,6</u>	<u>0,0</u>	<u>271,6</u>	<u>100,0</u>	
2	<u>Xã Tân Thịnh</u>	<u>315,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>315,0</u>	<u>0,0</u>	<u>315,0</u>	<u>100,0</u>	
b	Các công trình khởi công mới 2020	6.800,0	0,0	0,0	6.800,0	0,0	6.120,8	90,0	
1	<u>Phòng Nông nghiệp - PTNT</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>100,0</u>	

TT	Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đã được giao năm 2020				Kết quả giải ngân		Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:			Kinh phí giải ngân	Tỷ lệ (%)		
			NSTW	NS tỉnh	NS Huyện				Khác
1	Kè chống xói lở cánh đồng Đồng Xuân - Đồng Pải, xã Định Biên	500,0			500,0	0,0	500,0	100,0	
2	<u>Phòng Kinh tế - Hạ tầng</u>	<u>3.000,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>3.000,0</u>	<u>0,0</u>	<u>3.000,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh ven hồ Đèo Phụng, xã Linh Thông	500,0			500,0	0,0	500,0	100,0	
2	Nâng cấp, cải tạo tràn Gốc Hồng, xã Quy Kỳ	500,0			500,0		500,0	100,0	
3	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước nội thị trấn Chợ Chu (đoạn từ trường tiểu học Chợ Chu đến cầu Ba Ngạc)	1.000,0			1.000,0		1.000,0	100,0	
4	Cải tạo, nâng cấp tường rào, kè chống sạt lở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Hóa	1.000,0			1.000,0		1.000,0	100,0	
3	<u>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng</u>	<u>1.000,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.000,0</u>	<u>0,0</u>	<u>1.000,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non Kim Phụng - Hạng mục: Nhà lớp học (giai đoạn 2)	1.000,0			1.000,0	0,0	1.000,0	100,0	
4	<u>Xã Kim Phụng</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Kim Phụng - Hạng mục: Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	500,0			500,0	0,0	500,0	100,0	
5	<u>Xã Phú Đình</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>482,5</u>	<u>96,5</u>	
1	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Phú Đình - Hạng mục: Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	500,0			500,0		482,5	96,5	
6	<u>Xã Bộc Nhiêu</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>338,3</u>	<u>67,7</u>	
1	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Bộc Nhiêu - Hạng mục: Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	500,0			500,0		338,3	67,7	
7	<u>Xã Trung Lương</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>500,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	
1	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Trung Lương - Hạng mục: Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	500,0			500,0		0,0	0,0	
8	<u>Xã Bảo Cường</u>	<u>300,0</u>	<u>0,0</u>	<u>0,0</u>	<u>300,0</u>	<u>0,0</u>	<u>300,0</u>	<u>100,0</u>	
1	Cải tạo, nâng cấp sân, nhà để xe trụ sở UBND xã Bảo Cường	300,0			300,0		300,0	100,0	